

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ**

**TÀI CHÍNH HOÀNG HUY**

Cho kỳ kế toán Quý IV từ ngày 01/01/2018 đến 31/03/2018

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo tài chính hợp nhất	04 - 41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07 - 08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 41

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2018.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Q. Lê Chân, Tp. Hải Phòng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch	
Ông: Vũ Trọng Long	Thành viên	
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Thành viên	
Bà: Nguyễn Thị Hà	Thành viên	
Bà: Phạm Hồng Dung	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2017)
Ông: Phạm Mạnh Hùng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24 tháng 06 năm 2017)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Đỗ Hữu Hạ	Tổng Giám đốc	
Bà: Trần Thị Hoàng Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Đỗ Hữu Hậu	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Đỗ Hữu Hưng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 07 năm 2017)
Bà: Hồ Thị Xuân Hòa	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 03 năm 2018)

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà: Nguyễn Thị Tươi	Trưởng ban
Bà: Phan Thị Thu Hương	Thành viên
Bà: Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;

**Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy**

Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Q. Lê Chân, Tp. Hải Phòng

---

- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



---

**Đỗ Hữu Hạ**

Tổng Giám đốc

Lập, ngày 26 tháng 04 năm 2018

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2018	01/04/2017
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.563.552.167.126</b>	<b>1.311.732.205.917</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	03	<b>195.290.834.064</b>	<b>527.522.459.306</b>
111	1. Tiền		135.290.834.064	79.478.691.841
112	2. Các khoản tương đương tiền		60.000.000.000	448.043.767.465
120	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	04	<b>486.135.000.000</b>	<b>39.200.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		486.135.000.000	39.200.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>187.782.638.264</b>	<b>104.835.690.991</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	28.261.251.227	82.856.519.658
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	64.905.539.809	19.105.272.373
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	07	5.000.000.000	-
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	89.615.847.228	2.873.898.960
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	09	<b>692.258.372.789</b>	<b>639.750.624.155</b>
141	1. Hàng tồn kho		692.258.372.789	639.750.624.155
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>2.085.322.009</b>	<b>423.431.465</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		848.627.363	418.668.128
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.233.694.646	1.763.337
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	3.000.000	3.000.000

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2018	01/04/2017
			VND	VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>3.293.078.270.392</b>	<b>3.332.144.129.653</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	<b>252.750.000.000</b>
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	06	-	252.750.000.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>80.028.412.417</b>	<b>77.337.833.518</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	26.917.740.269	24.028.325.047
222	- Nguyên giá		57.105.108.237	52.080.175.059
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(30.187.367.968)	(28.051.850.012)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	53.110.672.148	53.309.508.471
228	- Nguyên giá		56.329.385.890	56.329.385.890
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.218.713.742)	(3.019.877.419)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	13	<b>621.297.897.590</b>	<b>633.355.948.986</b>
231	- Nguyên giá		655.802.796.663	656.324.100.544
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.504.899.073)	(22.968.151.558)
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	10	<b>176.705.193.388</b>	<b>658.147.271</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		176.705.193.388	658.147.271
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	04	<b>2.414.672.942.658</b>	<b>2.367.048.823.933</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		2.369.222.942.658	2.323.098.823.933
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		43.950.000.000	43.950.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.500.000.000	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>373.824.339</b>	<b>993.375.945</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	173.112.800
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33	373.824.339	820.263.145
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>4.856.630.437.518</b>	<b>4.643.876.335.570</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2018  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN		31/03/2018 VND	01/04/2017 VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>491.292.696.328</b>	<b>216.034.676.367</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>146.081.493.642</b>	<b>170.283.294.197</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	11.537.553.911	42.907.293.281
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	103.782.005.835	53.959.067.341
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	19.644.916.982	33.160.898.612
314	4. Phải trả người lao động		15.217.517	15.217.517
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.842.734.342	29.380.502.604
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	20	5.958.778.893	8.374.633.250
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	1.162.690.099	2.348.085.529
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		137.596.063	137.596.063
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>345.211.202.686</b>	<b>45.751.382.170</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	302.605.563.486	45.751.382.170
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	42.605.639.200	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>4.365.337.741.190</b>	<b>4.427.841.659.203</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>4.365.337.741.190</b>	<b>4.427.841.659.203</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(219.996.488.178)	-
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		935.285.661.915	797.867.217.389
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		498.062.934.232	107.634.355.778
421b	LNST chưa phân phối năm nay		437.222.727.683	690.232.861.612
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		20.108.427.453	34.301.813
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.856.630.437.518</b>	<b>4.643.876.335.570</b>

Người lập biểu



Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 26 tháng 04 năm 2018

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
			VND	VND	VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	256.514.297.981	359.486.760.100	1.844.419.175.582	1.436.680.227.178
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24	2.031.232.000	909.090.909	4.173.245.091	3.409.090.910
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		254.483.065.981	358.577.669.191	1.840.245.930.491	1.433.271.136.268
11	4. Giá vốn hàng bán	25	180.950.646.540	226.065.228.740	1.348.860.161.710	1.040.344.434.318
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		73.532.419.441	132.512.440.451	491.385.768.781	392.926.701.950
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	8.338.975.214	6.362.030.329	22.904.989.963	38.088.513.949
22	7. Chi phí tài chính	27	1.517.518.258	35.236.219	3.242.464.627	129.202.029
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1.517.518.258</i>	<i>-</i>	<i>3.231.856.257</i>	<i>-</i>
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		17.489.950.571	5.685.154.982	55.721.668.988	8.864.473.386
25	9. Chi phí bán hàng	28	3.220.977.516	2.782.473.297	9.929.824.097	8.761.496.580
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	6.034.523.719	2.187.748.364	19.639.636.028	20.994.141.706
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		88.588.325.733	139.554.167.882	537.200.502.980	409.994.848.970
31	12. Thu nhập khác	30	990.403.888	183.356.915	5.909.941.123	167.521.753.892
32	13. Chi phí khác	31	6.653.458.831	-	6.739.535.594	103.651.243
40	14. Lợi nhuận khác		(5.663.054.943)	183.356.915	(829.594.471)	167.418.102.649



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/03/2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Từ 01/01/2018 đến 31/03/2018	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
			VND	VND	VND	VND
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		82.925.270.790	139.737.524.797	536.370.908.509	577.412.951.619
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	32	14.518.290.835	25.052.568.380	97.002.203.242	77.272.172.354
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33	(131.226.791)	(502.844.437)	446.438.806	(604.026.062)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>68.538.206.746</u>	<u>115.187.800.854</u>	<u>438.922.266.461</u>	<u>500.744.805.327</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		68.459.786.042	115.186.257.561	438.842.547.880	500.424.525.923
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		78.420.704	1.543.293	79.718.581	320.279.404

Người lập biểu



Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 26 tháng 04 năm 2018

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Lũy kế từ ngày 01/04/2017 đến ngày 31/03/2018  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2017 VND	Từ 01/04/2016 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		536.370.908.509	577.412.951.619
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(60.883.175.336)	(200.924.736.175)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.512.800.332	13.121.629.036
03	- Các khoản dự phòng		-	(922.680.000)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.462.218	(119.311)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(78.631.294.143)	(213.051.325.182)
06	- Chi phí lãi vay		3.231.856.257	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	(72.240.718)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		475.487.733.173	376.488.215.444
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		176.780.568.020	(292.113.904.213)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(51.986.444.753)	(78.986.031.185)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		250.620.998.923	(94.678.330.801)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(256.846.435)	21.903.405
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.231.856.257)	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(114.970.821.404)	(135.457.165.352)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.436.934.833)	(753.971.515)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		731.006.396.434	(225.479.284.217)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(181.866.928.386)	(19.303.281.908)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		180.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(624.935.000.000)	(737.372.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		171.500.000.000	781.347.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.625.060.551.970)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	26.050.000.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		19.673.429.106	36.146.852.601
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(615.448.499.280)	(1.538.191.981.277)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Lũy kế từ ngày 01/04/2017 đến ngày 31/03/2018  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ 01/04/2017 VND	Từ 01/04/2016 VND
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		20.000.000.000	2.099.945.720.000
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(219.996.488.178)	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		269.442.633.424	1.450.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(226.836.994.224)	(7.068.860.000)
36	5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(290.395.211.200)	-
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(447.786.060.178)</i>	<i>2.094.326.860.000</i>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(332.228.163.024)</b>	<b>330.655.594.506</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>527.522.459.306</b>	<b>196.866.745.489</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.462.218)	119.311
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>03</b>	<b>195.290.834.064</b>	<b>527.522.459.306</b>

Hải Phòng, ngày 26 tháng 04 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bùi Thị Trà

Phùng Thị Thu Hương



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Lũy kế từ ngày 01/04/2017 đến ngày 31/03/2018

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0200117929 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 18 tháng 01 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 116 Nguyễn Đức Cảnh, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là: 3.629.940.140.000 đồng; tương đương 362.994.014 cổ phần, Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản và phương tiện vận tải.

#### Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy;
- Bán mô tô, xe máy;
- Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Thi công, lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến 35Kv;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Xây dựng và sửa chữa công trình giao thông;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vecsni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim; Bán buôn bê tông thương phẩm;
- Sản xuất thân xe có động cơ; Rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe;
- Sản xuất xe có động cơ; Chi tiết: Sản xuất xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc;
- Sản xuất mô tô, xe máy;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Vận tải hành khách đường bộ khác; Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng;
- Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng, sửa chữa nhà các loại;
- Lắp đặt hệ thống điện; Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống báo cháy báo động, chống trộm; Lắp đặt đường dây thông tin liên lạc, mạng máy tính và dây cáp truyền hình (gồm cả cáp quang học);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động tư vấn quản lý; Chi tiết: Tư vấn quản lý dự án (Nhóm C);
- Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán; (Không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, tài chính, bất động sản);

**Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**

- Hoạt động phân phối xe đầu kéo nhập khẩu của Mỹ được Công ty bắt đầu triển khai từ tháng 7 năm 2015 và ngày càng phát triển mạnh, dẫn tới doanh thu năm nay của Công ty tăng 28,4% so với năm trước, nhờ đó lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh tăng mạnh 31,2%. Tuy nhiên do không còn ghi nhận lợi nhuận khác đột biến như năm 2016 nên lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2017 của Công ty giảm 12,3%.
- Theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HTKD ngày 16/08/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS - Công ty liên kết) góp vốn với Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) để thực hiện các dự án bất động sản tại Thành phố Hải Phòng. Thông tin chi tiết về Dự án Bất động sản và số tiền góp vốn đến ngày 31/03/2018 xem tại Thuyết minh số 10 và 19.
- Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy thực hiện góp vốn thành lập công ty con - Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp để xây dựng dự án HH3, HH4 Đồng Quốc Bình tại Hải Phòng theo Nghị quyết số 09/2017/NĐ-HĐQT ngày 03/11/2017.

**Cấu trúc tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2018 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội	99,997%	99,997%	Đầu tư bất động sản
Công ty Cổ phần Xây Dựng Thịnh Hiệp	Thành phố Hải Phòng	95,83%	95,83%	Đầu tư bất động sản

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/03/2018 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	47,50%	47,50%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng ô tô, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	48,00%	48,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng ô tô, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng	48,00%	48,00%	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	45,00%	45,00%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng ô tô, kinh doanh bất động sản

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	46,50%	46,50%	Buôn bán ô tô và động cơ khác, bán phụ tùng ô tô, xe máy, bảo dưỡng xe ô tô, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng	36,58%	36,58%	Kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng liên quan, kinh doanh bất động sản

## 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/04 và kết thúc ngày 31/03 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 03 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

#### 2.4. Công cụ tài chính

##### *Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

##### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 2.5. Giá trị hợp lý của Tài sản thuần

Do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định Giá trị hợp lý của Tài sản thuần nên Công ty xác định Giá trị hợp lý của Tài sản thuần khoản đầu tư vào Công ty liên kết bằng giá trị sổ sách tại thời điểm mua.

#### 2.6. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: Là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: Áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: Áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: Áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.8. Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết* mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chi thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## 2.9. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.10. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân sau mỗi lần nhập.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 2.11. Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 26 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Các tài sản khác	5 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	30 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	26 - 44 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

### 2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

### 2.14. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

## 2.15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Riêng đối với các khoản vay phục vụ mục đích xây dựng, cải tạo các Chung cư cũ và theo Phương án tài chính của Hợp đồng BT, lãi vay sẽ được khấu trừ dần theo giá trị của diện tích đất được UBND Thành phố giao để thực hiện dự án khác và được Công ty ghi nhận là khoản Phải thu khác.

## 2.16. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.17. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.18. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **2.19. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

### **2.20. Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **2.21. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

**b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

### **2.22. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2018	01/04/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.864.535.721	1.028.677.043
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	132.426.298.343	78.450.014.798
Các khoản tương đương tiền	60.000.000.000	448.043.767.465
	<b>195.290.834.064</b>	<b>527.522.459.306</b>

Tại ngày 31/03/2018, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng có giá trị 60 tỷ đồng được gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hải Phòng với lãi suất 5,5%/năm.

### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

#### a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/03/2018		01/04/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	486.135.000.000	486.135.000.000	39.200.000.000	39.200.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng (*)	486.135.000.000	486.135.000.000	39.200.000.000	39.200.000.000
Đầu tư dài hạn	1.500.000.000	1.500.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng (*)	1.500.000.000	1.500.000.000		
	<b>487.635.000.000</b>	<b>487.635.000.000</b>	<b>39.200.000.000</b>	<b>39.200.000.000</b>

(\*) Tại ngày 31/03/2018, Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng và 18 tháng có tổng giá trị 487,635 tỷ đồng được gửi tại các Ngân hàng thương mại cổ phần với lãi suất từ 6,4%/năm đến 7,3%/năm đối với kỳ hạn 6 tháng và lãi suất 7,5% đối với kỳ hạn 18 tháng.

#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### b) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/03/2018			01/04/2017			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>							
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Tp Hải Phòng	47,50%	47,50%	273.169.105.372	47,50%	47,50%	269.019.481.193
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Tp Hải Phòng	48,00%	48,00%	318.817.489.899	48,00%	48,00%	315.622.680.347
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Tp Hải Phòng	48,00%	48,00%	136.127.260.520	48,00%	48,00%	135.273.082.297
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	Tp Hải Phòng	45,00%	45,00%	253.981.710.265	45,00%	45,00%	253.145.190.428
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Tp Hải Phòng	46,50%	46,50%	225.443.597.153	46,50%	46,50%	224.200.608.463
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Tp Hải Phòng	36,58%	36,58%	1.161.683.779.449	36,58%	36,58%	1.125.837.781.205
				<b>2.369.222.942.658</b>			<b>2.323.098.823.933</b>

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh 39.

##### c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2018		01/04/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	43.950.000.000	-	43.950.000.000	-
	<b>43.950.000.000</b>	<b>-</b>	<b>43.950.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp có hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh ô tô, sản xuất và kinh doanh phụ tùng. Tại ngày 01/04/2017 và 30/09/2017, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp là 19,95%.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

## 5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/03/2018	01/04/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	-	20.718.015.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	-	3.761.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	-	9.804.000.000
- Công ty Cổ phần Quản lý Nhà Golden Land	4.442.180.679	3.310.267.580
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	-	14.097.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	-	8.193.500.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Vinh Quang	-	5.554.000.000
- Công ty TNHH Thương mại Hồng Sơn Star	3.657.000.000	4.891.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	3.603.800.000	3.627.500.000
- Navistar., Inc	9.947.121.275	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	6.611.149.273	8.900.237.078
	<b>28.261.251.227</b>	<b>82.856.519.658</b>
<b>c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b> <i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 39)</i>	<b>3.603.800.000</b>	<b>69.290.605.055</b>

## 6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/03/2018		01/04/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam	2.097.813.050	-	500.000.000	-
- Công ty Cổ phần Ecoba Việt Nam	25.467.334.200	-	-	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp điện Nam Phong	4.196.063.000	-	-	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Cơ khí Quang Minh	4.011.916.979	-	4.011.916.979	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Linezone Việt Nam	800.000.000	-	3.800.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	5.843.292.824	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư V.I.P Land	3.132.000.000	-	3.132.000.000	-
- Navistar, Inc.	11.325.257.849	-	-	-
- Các khoản trả trước người bán khác	8.031.861.907	-	7.661.355.394	-
	<b>64.905.539.809</b>	<b>-</b>	<b>19.105.272.373</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc HPLand	-	-	252.750.000.000	-
	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>252.750.000.000</b>	<b>-</b>

**7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/03/2018		01/04/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Ông Nguyễn Việt Dũng (1)	3.000.000.000	-	-	-
- Bà Thái Thị Hồng Lĩnh (2)	2.000.000.000	-	-	-
	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(1) Khoản cho vay với Nguyễn Việt Dũng ngày 02/03/2018 thời hạn cho vay 03 tháng lãi suất 0%/năm. Mục đích vay mua nhà. Hình thức đảm bảo khoản cho vay bằng Tín chấp. Dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2018 là 3.000.000.000 đồng.

(2) Khoản cho vay với Thái Thị Hồng Lĩnh ngày 18/03/2018 thời hạn cho vay 02 tháng lãi suất 0%/năm. Mục đích vay mua nhà. Hình thức đảm bảo khoản cho vay bằng Tín chấp. Dư nợ gốc tại thời điểm 31/03/2018 là 2.000.000.000 đồng.

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/03/2018		01/04/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Dự thu lãi tiền gửi	5.202.277.912	-	1.992.831.310	-
- Tạm ứng cho người lao động	770.709.693	-	711.830.082	-
- Phải thu Trung tâm phát triển quỹ đất Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng (*)	83.500.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	142.859.623	-	169.237.568	-
	<b>89.615.847.228</b>	<b>-</b>	<b>2.873.898.960</b>	<b>-</b>

(\*) Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy tạm ứng kinh phí bồi thường, hỗ trợ di dời phục vụ Dự án Đầu tư Cải tạo, Xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi và Dự án HH3, HH4 Đồng Quốc Bình cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Kinh phí này sẽ được Trung tâm Phát triển Quỹ đất hoàn trả cho Công ty sau khi Kho bạc Nhà nước giải ngân cho Trung tâm Phát triển Quỹ đất theo Phương án đã được phê duyệt.



**9. HÀNG TỒN KHO**

	31/03/2018		01/04/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>- Hàng tồn kho kinh doanh ô tô và phụ tùng ô tô</b>				
+ Hàng mua đang đi đường	-	-	86.978.531.071	-
+ Nguyên liệu, vật liệu	1.880.753.532	-	1.242.557.912	-
+ Công cụ, dụng cụ	35.037.291	-	64.479.162	-
+ Thành phẩm	152.885.041.243	-	31.835.592.595	-
+ Hàng hóa	25.994.820.715	-	12.850.538.096	-
+ Hàng gửi bán	153.183.147.544	-	105.764.936.393	-
<b>- Hàng tồn kho kinh doanh bất động sản</b>				
+ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	358.279.572.464	-	401.013.988.926	-
	<b>692.258.372.789</b>	<b>-</b>	<b>639.750.624.155</b>	<b>-</b>

(\*) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - Dự án Chung cư Golden Land Building:

	31/03/2018		01/04/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tòa nhà N01	188.341.028.842	-	259.965.659.094	-
Tòa nhà N02	28.545.918.995	-	23.644.095.425	-
Tòa nhà Gold Tower	141.392.624.627	-	117.404.234.407	-
	<b>358.279.572.464</b>	<b>-</b>	<b>401.013.988.926</b>	<b>-</b>

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/03/2018	01/04/2017
	VND	VND
- Dự án bất động sản đang triển khai	176.212.265.025	658.147.271
+ Dự án cải tạo Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi (1)	77.636.378.344	658.147.271
+ Dự án Bất động sản tại Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng (2)	82.267.089.978	-
+ Dự án cải tạo chung cư cũ HH3, HH4 Đồng Quốc Bình (3)	5.301.837.032	-
+ Dự án khu thương mại và nhà ở HoanghuyMall tại phường Kênh Dương, phường Vĩnh Niệm, Hải Phòng (4)	8.095.640.368	-
+ Dự án Trung tâm dịch vụ Thương mại Cánh Diều (5)	2.271.195.030	-
+ Dự án cải tạo chung cư cũ HH1, HH2 Đồng Quốc Bình (6)	640.124.273	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	492.928.363	-
+ Xưởng sửa chữa bảo hành và Showroom ô tô	492.928.363	-
	<b>176.705.193.388</b>	<b>658.147.271</b>

(1) Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại Chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng dưới hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT). Theo Hợp đồng BT số 01/2017/HĐBT ngày 05/04/2017 ký giữa Sở Xây dựng Hải Phòng (Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền) và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (Nhà đầu tư), tổng vốn đầu tư thực hiện dự án BT là 109.627.000.000 đồng, thời gian hoàn thành xây dựng công trình chậm nhất theo cam kết là 30/11/2018.

(2) Trong kỳ, để chủ động trong việc tìm kiếm quỹ đất bồi hoàn hợp đồng BT, Công ty đã tham gia đấu giá thành công và nhận chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Đóng tàu Sông Cấm tại địa chỉ số 1 và số 8 Đường Chi Lăng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng với giá trúng đấu giá 85,5 tỷ đồng (đã bao gồm VAT). Ngày 16/3/2018, UBND Thành phố Hải Phòng đã cấp quyết định chủ trương đầu tư số 557/QĐ-UBND cho Công ty. Hiện tại, công ty đang tiếp tục hoàn thiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư dự án.

(3) Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ xuống cấp HH3, HH4 tại Phường Đồng Quốc Bình, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Ngày 12/10/2017, Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng có Quyết định số 2643/QĐ-UBND phê duyệt cho Công ty là nhà đầu tư trúng thầu dự án theo hình thức Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao (BT), trong đó tổng vốn đầu tư của dự án là 1.712.263.286.000 đồng, thời gian hợp đồng dự án là 24 tháng kể từ thời điểm bàn giao mặt bằng sạch cho nhà đầu tư. Tại ngày 31/03/2018, Công ty đã phát sinh các chi phí trước triển khai như hồ sơ cấp phép, lập báo cáo kỹ thuật,... với tổng số tiền 4,90 tỷ đồng.

(4) Dự án xây dựng khu dịch vụ thương mại và nhà ở HoangHuy Mall tại phường Kênh Dương, phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân Hải Phòng đã được UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt Đề án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 theo Quyết định số 3571/QĐ-UBND ngày 05/12/2017. Tại thời điểm 31/03/2018, Công ty đã phát sinh các chi phí triển khai như lập hồ sơ cấp phép, chi phí thiết kế...

(5) Dự án xây dựng nhà trưng bày sản phẩm được xây dựng trên 195.827,1 m<sup>2</sup> đất thuê tại phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng theo hợp đồng thuê đất số 07/HĐ-TĐ ngày 19/12/2017 với Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường. Tại thời điểm 31/03/2018, Công ty đã phát sinh các chi phí triển khai như lập hồ sơ cấp phép, chi phí thiết kế, san lấp mặt bằng...

(6) Dự án cải tạo chung cư cũ, xuống cấp, nguy hiểm trên địa bàn thành phố Hải Phòng, xây dựng khu chung cư HH1, HH2 phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Tại thời điểm 31/03/2018, Công ty đã phát sinh các chi phí triển khai như lập hồ sơ quy hoạch và các thủ tục đầu tư khác...

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	40.136.565.238	2.210.114.096	8.663.227.727	994.358.498	75.909.500	52.080.175.059
- Mua trong năm	-	-	2.377.280.000	256.545.455	-	2.633.825.455
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	3.186.056.814	3.186.056.814
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(794.949.091)	-	-	(794.949.091)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>40.136.565.238</b>	<b>2.210.114.096</b>	<b>10.245.558.636</b>	<b>1.250.903.953</b>	<b>3.261.966.314</b>	<b>57.105.108.237</b>
<b>Hao mòn TSCĐ</b>						
Số dư đầu năm	19.271.671.455	2.157.212.143	6.009.040.341	569.645.531	44.280.542	28.051.850.012
- Khấu hao trong năm	1.540.414.189	37.969.991	978.144.960	189.058.396	31.628.958	2.777.216.494
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(641.698.538)	-	-	(641.698.538)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>20.812.085.644</b>	<b>2.195.182.134</b>	<b>6.345.486.763</b>	<b>758.703.927</b>	<b>75.909.500</b>	<b>30.187.367.968</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	20.864.893.783	52.901.953	2.654.187.386	424.712.967	31.628.958	24.028.325.047
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>19.324.479.594</b>	<b>14.931.962</b>	<b>3.900.071.873</b>	<b>492.200.026</b>	<b>3.186.056.814</b>	<b>26.917.740.269</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.090.446.445 đồng.

## 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	56.217.489.700	111.896.190	56.329.385.890
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>56.217.489.700</b>	<b>111.896.190</b>	<b>56.329.385.890</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	2.907.981.229	111.896.190	3.019.877.419
- Khấu hao trong năm	198.836.323	-	198.836.323
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.106.817.552</b>	<b>111.896.190</b>	<b>3.218.713.742</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	53.309.508.471	-	53.309.508.471
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>53.110.672.148</b>	<b>-</b>	<b>53.110.672.148</b>

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 111.896.190 đồng.

## 13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

### a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	195.000.000.000	461.324.100.544	656.324.100.544
- Chuyển từ HTK sang Bất động sản đầu tư phần Trung tâm Thương mại, tầng hầm cho thuê trong năm		924.232.848	924.232.848
- Điều chỉnh do xác định lại suất đầu tư của Trung tâm Thương mại, tầng hầm cho thuê trong năm		(1.445.536.729)	(1.445.536.729)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>195.000.000.000</b>	<b>460.802.796.663</b>	<b>655.802.796.663</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	-	22.968.151.558	22.968.151.558
- Khấu hao trong năm	-	11.536.747.515	11.536.747.515
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>34.504.899.073</b>	<b>34.504.899.073</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	195.000.000.000	438.355.948.986	633.355.948.986
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>195.000.000.000</b>	<b>426.297.897.590</b>	<b>621.297.897.590</b>

Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty bao gồm Tòa nhà văn phòng 9 tầng cho thuê tại số 183 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội (Trong đó: Quyền sử dụng đất lâu dài có Nguyên giá 195 tỷ đồng, Công trình trên đất có nguyên giá 51 tỷ đồng); Tầng hầm và Trung tâm thương mại cho thuê tại Chung cư GoldenLand Building số 275 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội (nguyên giá 386 tỷ đồng) và một số nhà cửa, vật kiến trúc khác tại Thành phố Hải Phòng.

**14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/04/2017		Trong năm		31/03/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Vay ngắn hạn	-	-	226.836.994.224	226.836.994.224	-	-
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (1)	-	-	226.836.994.224	226.836.994.224	-	-
	-	-	<b>226.836.994.224</b>	<b>226.836.994.224</b>	-	-
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn	-	-	42.605.639.200	-	42.605.639.200	42.605.639.200
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Thăng Long (2)	-	-	42.605.639.200	-	42.605.639.200	42.605.639.200
	-	-	<b>42.605.639.200</b>	-	<b>42.605.639.200</b>	<b>42.605.639.200</b>
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	-	-	-	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	<b>42.605.639.200</b>	<b>42.605.639.200</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

(1) Hợp đồng cấp tín dụng số 371/2017/HDTD/PHG/01 ngày 7/8/2017 bao gồm các điều khoản sau:

+ Số tiền vay: 93.000.000.000 đồng;

+ Mục đích vay: Thanh toán chi phí thực hiện dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng theo Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao giữa Sở Xây dựng Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy;

+ Thời hạn cho vay: Từ ngày giải ngân đến 30/06/2019;

+ Lãi suất cho vay: Thả nổi có điều chỉnh;

+ Phương thức bảo đảm: Đảm bảo bằng quyền tài sản hình thành trong tương lai phát sinh từ Hợp đồng xây dựng - Chuyển giao Dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi, quận Ngô Quyền số 01/2017/HĐBT giữa Sở Xây dựng Hải Phòng và Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ tài chính Hoàng Huy ngày 05/04/2017;

+ Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/03/2018 là 42.605.639.200 đồng.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/03/2018		01/04/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty Cơ khí và Xây dựng Posco E&C Việt Nam	-	-	12.697.827.651	12.697.827.651
- Công ty Cổ phần Hawee Cơ điện	521.412.181	521.412.181	24.494.339.716	24.494.339.716
- Công ty Cổ phần Xây dựng Bạch Đằng 234	6.253.341.600	6.253.341.600	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	4.762.800.130	4.762.800.130	5.715.125.914	5.715.125.914
	<b>11.537.553.911</b>	<b>11.537.553.911</b>	<b>42.907.293.281</b>	<b>42.907.293.281</b>

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/03/2018	01/04/2017
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	38.642.500.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	14.934.500.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	9.056.499.999	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	6.314.500.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	5.957.785.000	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Phú Mẫn	-	1.400.000.000
- Tiền ứng trước theo tiến độ của khách hàng mua căn hộ chung cư	10.427.083.561	41.341.850.784
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	18.449.137.275	11.217.216.557
	<b>103.782.005.835</b>	<b>53.959.067.341</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	-	2.885.052.589	18.564.300.213	13.994.429.496	-	7.454.923.306
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	69.517.146.030	69.517.146.030	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	30.111.982.425	97.002.203.242	114.970.821.404	-	12.143.364.263
- Thuế thu nhập cá nhân	-	163.863.598	14.698.155.301	14.815.389.486	-	46.629.413
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	885.497.244	885.497.244	-	-
- Các loại thuế khác	3.000.000	-	6.000.000	6.000.000	3.000.000	-
	<b>3.000.000</b>	<b>33.160.898.612</b>	<b>200.673.302.030</b>	<b>214.189.283.660</b>	<b>3.000.000</b>	<b>19.644.916.982</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/03/2018	01/04/2017
	VND	VND
- Chi phí công trình đã ký hợp đồng và đang thực hiện tại dự án Chung cư Golden Land	-	24.793.509.060
- Trích trước chi phí đã thi công dự án Tòa nhà Văn phòng cho thuê tại 183, Bà Triệu Hà Nội	3.679.097.980	4.586.993.544
- Chi phí phải trả khác	163.636.362	-
	<b>3.842.734.342</b>	<b>29.380.502.604</b>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/03/2018	01/04/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	174.000.000	317.067.000
- Các khoản phải trả phải nộp khác	988.690.099	2.031.018.529
+ Phải trả Ban quản trị Chung cư Golden Land tiền phí bảo trì thu hộ	859.883.965	2.031.018.529
+ Phải trả khác	128.806.134	-
	<b>1.162.690.099</b>	<b>2.348.085.529</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	5.364.880.282	45.751.382.170
- Nhận tiền góp vốn kinh doanh từ Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (*)	297.150.000.000	-
- Phải trả khác	90.683.204	-
	<b>302.605.563.486</b>	<b>45.751.382.170</b>

(\*) Căn cứ theo Biên bản và Nghị quyết HĐQT số 07/2017/BB-HĐQT ngày 16/08/2017 về việc chuẩn bị đầu tư các Dự án bất động sản và theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/HTKD ngày 16/08/2017, Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS) góp vốn với Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (TCH) để thực hiện Dự án bất động sản cải tạo, xây dựng chung cư cũ U1, U2, U3 Lê Lợi và HH3, HH4 Đồng Quốc Bình và Đầu tư Dự án Bất động sản tại địa chỉ số 1 và số 8 Đường Chi Lăng, Phường Thượng Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng (dự án HoangHuy Riverside). Theo đó, Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy sẽ góp số tiền tối đa 500 tỷ đồng theo tiến độ thực hiện Dự án với trách nhiệm tham gia trong việc điều hành, quản lý các dự án, hỗ trợ tìm đối tác, khách hàng, thực hiện phân phối tiêu thụ sản phẩm và được hưởng 25% lợi nhuận sau thuế của dự án Hoàng Huy Riverside tại số 1 và 8 đường Chi Lăng, phường Thượng Lý, quận Hồng Bàng, Hải Phòng. Thông tin chi tiết về Dự án Bất động sản xem tại Thuyết minh số 10.

**20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN**

	31/03/2018	01/04/2017
	VND	VND
- Doanh thu cho thuê mặt bằng nhận trước	4.089.657.198	4.393.329.104
- Lãi bán hàng nội bộ cho Công ty liên kết chưa thực hiện	1.869.121.695	3.981.304.146
	<b>5.958.778.893</b>	<b>8.374.633.250</b>



**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.200.000.000.000	-	443.958.977.344	20.540.682.888	1.664.499.660.232
Tăng vốn trong năm trước	2.429.940.140.000	-	(329.994.420.000)	-	2.099.945.720.000
Lãi trong năm trước	-	-	500.424.525.923	320.279.404	500.744.805.327
Ảnh hưởng của thay đổi lợi ích giữa Công ty mẹ và Cổ đông không kiểm soát	-	-	7.407.220.567	(20.816.870.567)	(13.409.650.000)
Điều chỉnh ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ vốn góp tại Công ty liên kết	-	-	182.508.642.422	-	182.508.642.422
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(6.437.728.866)	(9.789.912)	(6.447.518.778)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>3.629.940.140.000</b>	<b>-</b>	<b>797.867.217.389</b>	<b>34.301.813</b>	<b>4.427.841.659.203</b>
Số dư đầu năm nay	3.629.940.140.000	-	797.867.217.389	34.301.813	4.427.841.659.203
Mua Cổ phiếu quỹ (*)	-	(219.996.488.178)	-	-	(219.996.488.178)
Lãi trong năm nay	-	-	438.842.547.880	79.718.581	438.922.266.461
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp	-	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Chia cổ tức tại Công ty mẹ (**)	-	-	(290.395.211.200)	-	(290.395.211.200)
Chia cổ tức tại Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	-	-	-	(5.550.000)	(5.550.000)
Điều chỉnh do Hợp nhất tại Công ty Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy (HHS)	-	-	(9.597.550.263)	-	(9.597.550.263)
Giảm khác tại Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt	-	-	(1.431.341.892)	(42.941)	(1.431.384.833)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>3.629.940.140.000</b>	<b>(219.996.488.178)</b>	<b>935.285.661.915</b>	<b>20.108.427.453</b>	<b>4.365.337.741.190</b>

(\*) Trong kỳ, Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết số 10/2017/NĐ-HĐQT ngày 18/11/2017 về việc Công ty sẽ mua cổ phiếu quỹ với số lượng tối đa là 11 triệu cổ phiếu theo phương thức khớp lệnh. Đến ngày 31/03/2018, Công ty đã mua 9.722.450 cổ phiếu với giá trị tương ứng là 219.996.488.178 đồng.

(\*\*) Theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/06/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Số tiền VND
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 800 đồng)	290.395.211.200

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Ông Đỗ Hữu Hạ	1.510.836.250.000	41,62%	1.510.836.250.000	41,62%
Ông Đỗ Hữu Hậu	181.500.000.000	5,00%	181.500.000.000	5,00%
Cổ đông khác	1.840.379.390.000	50,70%	1.937.603.890.000	53,38%
Cổ phiếu quỹ mua lại của các cổ đông	97.224.500.000	2,68%	-	0,00%
	<b>3.629.940.140.000</b>	<b>100%</b>	<b>3.629.940.140.000</b>	<b>100%</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018 VND	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	3.629.940.140.000	1.200.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	2.429.940.140.000
- Vốn góp cuối năm	3.629.940.140.000	3.629.940.140.000
Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	290.395.211.200	329.994.420.000

**d) Cổ phiếu**

	31/03/2018	01/04/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	362.994.014	362.994.014
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	362.994.014	362.994.014
- Cổ phiếu phổ thông	362.994.014	362.994.014
Số lượng cổ phiếu được mua lại	9.722.450	-
- Cổ phiếu phổ thông	9.722.450	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	353.271.564	362.994.014
- Cổ phiếu phổ thông	353.271.564	362.994.014
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngoại tệ các loại**

	Đơn vị tính	31/03/2018	01/04/2017
Đô la Mỹ	USD	1.653,99	1.618,68
Euro	EUR	8,95	8,95

**23. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.721.756.456	20.638.848.345
Doanh thu bán thành phẩm xưởng ô tô	32.964.818.180	33.983.909.091
Doanh thu bán ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện	1.642.455.533.733	1.191.426.731.295
Doanh thu kinh doanh bất động sản	117.929.513.991	147.765.409.784
Doanh thu cung cấp dịch vụ	48.347.553.222	42.865.328.663
	<b>1.844.419.175.582</b>	<b>1.436.680.227.178</b>

**24. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
	VND	VND
- Giảm giá hàng bán	490.909.091	3.409.090.910
- Hàng bán bị trả lại	3.682.336.000	-
	<b>4.173.245.091</b>	<b>3.409.090.910</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa	6.287.761.040	19.741.359.391
Giá vốn của thành phẩm xưởng ô tô đã bán	25.830.350.865	26.741.499.532
Giá vốn của ô tô đầu kéo Mỹ và linh kiện	1.224.747.798.795	933.942.045.846
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	69.753.956.196	84.598.404.354
Giá vốn thay đổi do điều chỉnh lại dự toán đầu tư tòa nhà N01	-	(47.036.409.680)
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.240.294.814	23.280.214.875
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(922.680.000)
	<b>1.348.860.161.710</b>	<b>1.040.344.434.318</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.882.875.708	17.103.874.382
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	20.141.653.931
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	22.011.399	842.866.325
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	102.856	119.311
	<b>22.904.989.963</b>	<b>38.088.513.949</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.231.856.257	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	7.043.296	129.202.029
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	3.565.074	-
	<b>3.242.464.627</b>	<b>129.202.029</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	98.000.000	138.875.000
Chi phí nhân công	2.977.678.489	2.450.160.723
Chi phí khấu hao tài sản cố định	134.577.714	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.579.122.499	3.959.512.389
Chi phí khác bằng tiền	1.140.445.395	2.212.948.468
	<b>9.929.824.097</b>	<b>8.761.496.580</b>

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	91.558.524
Chi phí nhân công	6.157.477.099	6.539.812.368
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.892.289.235	2.302.137.592
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.976.981.039	6.921.500.009
Chi phí khác bằng tiền	3.612.888.655	5.139.133.213
	<b>19.639.636.028</b>	<b>20.994.141.706</b>

**30. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	180.000.000	-
Chênh lệch giữa giá trị hợp lý của Tài sản thuần và giá phí khoản đầu tư tại thời điểm mua Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	-	166.941.323.483
Thu nhập từ hàng được cho, biếu tặng	4.889.519.123	151.236.106
Tiền phạt thu được	700.298.127	237.676.065
Thu nhập từ khách hàng bỏ cọc hợp đồng	140.000.000	112.000.000
Thu nhập khác	123.873	79.518.238
	<b>5.909.941.123</b>	<b>167.521.753.892</b>

**31. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	153.250.553	-
Chi ủng hộ xây Nhà trường niệm Nguyễn Đức Cảnh và ủng hộ địa phương	6.500.000.000	-
Chi phí khác	86.285.041	103.651.243
	<b>6.739.535.594</b>	<b>103.651.243</b>

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy - Công ty mẹ	83.665.091.008	54.707.271.075
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt - Công ty con	12.868.065.754	22.564.901.279
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty Cổ phần Xây dựng Thịnh Hiệp - Công ty con	469.046.480	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>97.002.203.242</b>	<b>77.272.172.354</b>

**33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

**a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/03/2018	01/04/2017
	VND	VND
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	373.824.339	820.263.145
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>373.824.339</b>	<b>820.263.145</b>

**c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
	VND	VND
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(373.824.339)	(796.260.829)
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	820.263.145	192.234.767
	<b>446.438.806</b>	<b>(604.026.062)</b>

### 34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	438.842.547.880	500.424.525.923
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	438.842.547.880	500.424.525.923
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	360.547.031	355.646.393
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.217</b>	<b>1.407</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/03/2018.

### 35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.407.455.403.669	1.017.937.329.206
Chi phí nhân công	13.784.337.041	15.484.791.517
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.512.800.332	13.121.629.036
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.788.073.965	17.392.028.866
Chi phí khác bằng tiền	4.753.334.050	8.009.408.298
	<b>1.453.293.949.057</b>	<b>1.071.945.186.923</b>

### 36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2018		01/04/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính	VND	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	195.290.834.064	-	527.522.459.306	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	117.877.098.455	-	85.730.418.618	-
Đầu tư ngắn hạn	492.635.000.000	-	39.200.000.000	-
Đầu tư dài hạn	43.950.000.000	-	43.950.000.000	-
	<b>849.752.932.519</b>	<b>-</b>	<b>696.402.877.924</b>	<b>-</b>

### Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2018	01/04/2017
	VND	VND
Vay và nợ	42.605.639.200	-
Phải trả người bán, phải trả khác	315.305.807.496	91.006.760.980
Chi phí phải trả	3.842.734.342	29.380.502.604
	<b>361.754.181.038</b>	<b>120.387.263.584</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

#### Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/03/2018</b>				
Đầu tư dài hạn	-	43.950.000.000	-	43.950.000.000
	-	<b>43.950.000.000</b>	-	<b>43.950.000.000</b>
<b>Tại ngày 01/04/2017</b>				
Đầu tư dài hạn	-	43.950.000.000	-	43.950.000.000
	-	<b>43.950.000.000</b>	-	<b>43.950.000.000</b>

#### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/03/2018</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	195.290.834.064	-	-	195.290.834.064
Phải thu khách hàng, phải thu khác	117.877.098.455	-	-	117.877.098.455
Các khoản đầu tư	491.135.000.000	1.500.000.000	-	492.635.000.000
	<b>804.302.932.519</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>805.802.932.519</b>
<b>Tại ngày 01/04/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	527.522.459.306	-	-	527.522.459.306
Phải thu khách hàng, phải thu khác	85.730.418.618	-	-	85.730.418.618
Các khoản đầu tư	39.200.000.000	-	-	39.200.000.000
	<b>652.452.877.924</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>652.452.877.924</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/03/2018</b>				
Vay và nợ	-	42.605.639.200	-	42.605.639.200
Phải trả người bán, phải trả khác	12.700.244.010	302.605.563.486	-	315.305.807.496
Chi phí phải trả	3.842.734.342	-	-	3.842.734.342
	<b>16.542.978.352</b>	<b>345.211.202.686</b>	<b>-</b>	<b>361.754.181.038</b>
<b>Tại ngày 01/04/2017</b>				
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người bán, phải trả khác	45.255.378.810	45.751.382.170	-	91.006.760.980
Chi phí phải trả	29.380.502.604	-	-	29.380.502.604
	<b>74.635.881.414</b>	<b>45.751.382.170</b>	<b>-</b>	<b>120.387.263.584</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.



**37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
	VND	VND
<b>a) Số tiền đi vay thực thu trong năm</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường:	269.442.633.424	1.450.000.000
<b>b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	226.836.994.224	7.068.860.000

**38. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

**39. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Từ 01/04/2017 đến 31/03/2018	Từ 01/04/2016 đến 31/03/2017
		VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		<b>1.491.238.550.642</b>	<b>1.074.909.567.010</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	248.382.727.296	176.167.272.746
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	227.209.090.921	152.238.090.934
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	56.148.459.640	59.853.021.486
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	73.212.727.276	70.345.454.542
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	93.200.909.093	66.036.818.178
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	524.487.727.306	304.944.545.476
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	33.014.818.180	32.894.818.181
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên kết	114.349.545.473	106.720.454.558
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Khoản đầu tư của công ty con	121.232.545.457	105.709.090.909
<b>Cổ tức và lợi nhuận được chia</b>			<b>- 40.195.733.600</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết		- 40.195.733.600

Số dư tại ngày kết thúc năm

	Mối quan hệ	31/03/2018	01/04/2017
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>3.603.800.000</b>	<b>69.290.605.055</b>
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	-	20.718.015.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	-	9.804.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	-	1.433.790.056
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	-	5.554.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	-	8.193.500.000
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	-	3.761.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	-	2.101.799.999
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hoàng Hiệp	Công ty có vốn đầu tư khác của công ty con	3.603.800.000	3.627.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên kết	-	14.097.000.000
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>		<b>82.896.730.344</b>	-
Công ty Cổ phần Thương mại Lâm Hậu	Công ty liên kết	5.957.785.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Hà	Công ty liên kết	6.314.500.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Trường Giang	Công ty liên kết	4.145.045.344	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc Tế Vinh Quang	Công ty liên kết	1.264.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Phát triển Việt Dũng	Công ty liên kết	9.056.499.999	-
Công ty Cổ phần Phát triển Dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con của công ty liên kết	38.642.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	2.581.900.001	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Thành Nam	Công ty liên kết của Công ty liên kết	14.934.500.000	-
<b>Phải trả khác - Tiền góp vốn hợp tác đầu tư</b>		<b>297.150.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy	Công ty liên kết	297.150.000.000	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/04/2017	Từ 01/04/2016
	đến 31/03/2018	đến 31/03/2017
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	955.941.144	843.133.354
Trong đó: Thu nhập của Tổng Giám đốc	417.300.000	335.220.000

Người lập biểu



Bùi Thị Trà

Kế toán trưởng



Phùng Thị Thu Hương

Hải Phòng, ngày 26 tháng 04 năm 2018

Tổng Giám đốc



Đỗ Hữu Hạ